

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B2) **Phòng thi:** Phòng B1.302**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h00**Ngày thi:** 8/11/2021

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0029	Đoàn Trà My	31/08/1997				
2	TA0030	Nguyễn Đức Thành	21/06/1997				
3	TA0031	Nguyễn Ngọc Quang	22/12/1997				
4	TA0032	Hoàng Thị Thu Hồng	25/08/1998				
5	TA0033	Trần Anh Dũng	10/01/1997				
6	TA0034	Tổng Minh Thắng	15/06/1998				
7	TA0035	Nguyễn Hữu Thành	07/02/1998				
8	TA0036	Trần Hoàng Quyết	08/03/1997				
9	TA0037	Nguyễn Minh Anh	16/03/1997				
10	TA0038	Nguyễn Huy Quang	29/12/1998				
11	TA0039	Nguyễn Thị Thủy Tiên	22/01/1997				
12	TA0040	Hà Huy Công	07/03/1997				
13	TA0041	Tô Khánh Quỳnh	08/07/1999				
14	TA0042	Vũ Hoàng Khánh	25/11/1997				
15	TA0043	Hoàng Đình Hai	25/03/1999				
16	TA0044	Nguyễn Sơn Tùng	01/12/1997				
17	TA0045	Phan Thị Khuyên	22/01/1997				
18	TA0046	Đỗ Đức Trọng	27/01/1998				
19	TA0047	Hoàng Quốc Dũng	18/01/1998				
20	TA0048	Nguyễn Duy Khánh	13/01/1997				
21	TA0049	Nguyễn Gia Hiên	15/04/1997				
22	TA0050	Phan Thị Hồng Ngọc	08/12/1997				
23	TA0051	Trần Tiến Đức	25/12/1996				
24	TA0052	Nguyễn Tấn Phát	14/10/1997				
25	TA0053	Đậu Trần Thành Đạt	29/10/1997				
26	TA0054	Dương Thu Hương	13/07/1997				
27	TA0055	Đinh Văn Tấn	17/02/1997				
28	TA0056	Vũ Minh Quang	15/10/1997				

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:

Tổng số bài thi: Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)